

TÁC PHẨM CÓ SỬ DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ TRONG QUÁ TRÌNH TẠO LẬP, KHAI THÁC TÁC PHẨM

NGÔ THÙY DUNG

Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh

Nhận bài ngày 07/6/2026. Sửa chữa xong 25/6/2026. Duyệt đăng 01/7/2026.

Abstract

The rapid development of artificial intelligence (AI), particularly generative AI, has transformed the creation and exploitation of works while posing significant challenges to copyright law. Key issues include the copyright protection of AI-assisted works, determining the extent of AI involvement in the creative process, and allocating legal liability in cases of infringement or disputes. This article divides the lifecycle of AI-assisted works into three stages—input, generation, and output—to examine the legal issues arising at each stage. It further proposes a framework for allocating responsibility among relevant stakeholders based on their degree of control, level of initiative, and ability to foresee and manage legal risks.

Keywords: Copyright, artificial intelligence, AI-assisted works, legal liability, copyright infringement.

1. Đặt vấn đề

Sự xuất hiện và phổ biến nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo (AI) đang làm thay đổi sâu sắc môi trường sáng tạo đương đại không chỉ ở phương diện kỹ thuật mà còn tác động đến cấu trúc pháp lý của quá trình hình thành và khai thác tác phẩm. Nếu trong giai đoạn trước, công nghệ này chủ yếu hỗ trợ con người trong việc xử lý dữ liệu, biên tập hoặc tự động hóa thao tác thì hiện nay AI tạo sinh (loại AI có khả năng tạo ra nội dung mới như văn bản, hình ảnh, âm nhạc hoặc video dựa trên dữ liệu mà nó đã học) đã có thể tham gia trực tiếp vào việc tạo ra văn bản, hình ảnh, âm nhạc, video và nhiều sản phẩm truyền thông số khác với rất ít hoặc không cần sự can thiệp của con người. Sự dịch chuyển công nghệ này làm mờ dần ranh giới giữa công cụ hỗ trợ và chủ thể sáng tạo, từ đó đặt ra yêu cầu phải xem xét lại những quy định của pháp luật quyền tác giả. Trong bối cảnh đó, các tranh luận pháp lý không còn dừng lại ở vấn đề công nhận quyền tác giả với sản phẩm có sử dụng AI hay không mà còn mở rộng sang việc xác định tiêu chí nhận diện đóng góp sáng tạo của con người cũng như cơ chế quy trách nhiệm khi phát sinh hành vi xâm phạm hoặc tranh chấp liên quan đến quá trình sáng tạo và khai thác tác phẩm đó. Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam giai đoạn 2005 đến cuối 2025 không có quy định về tác phẩm có sử dụng AI, trong khi thực tiễn ứng dụng AI trong giảng dạy, nghiên cứu, báo chí, quảng cáo và sản xuất nội dung số ngày càng phổ biến. Khoảng trống này đặt ra yêu cầu cần có một cách tiếp cận pháp lý đủ linh hoạt để vừa bảo đảm nguyên tắc nền tảng của quyền tác giả, vừa xử lý được các rủi ro mới do công nghệ tạo ra. Ngày 10/12/2025 Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ, bổ sung khoản 5 - Điều 6 để cập đến quy định về việc “phát sinh, xác lập quyền sở hữu trí tuệ ... trong trường hợp đối tượng quyền sở hữu trí tuệ được tạo ra có sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo” (Quốc hội, 2025). Trên cơ sở đó, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 134/2026/NĐ-CP bổ sung Điều 5a quy định về “Việc phát sinh quyền tác giả, quyền liên quan trong trường hợp đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan được tạo ra có sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo” (Chính phủ, 2026).

Email: dung.ngo@ut.edu.vn

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Vòng đời pháp lý của tác phẩm có sử dụng trí tuệ nhân tạo và những vấn đề pháp lý cốt lõi phát sinh

2.1.1. Tác phẩm có sử dụng trí tuệ nhân tạo và sự cần thiết của cách tiếp cận theo vòng đời pháp lý

Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam quy định: “Tác phẩm là sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật và khoa học thể hiện bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào” (Quốc hội, 2005) và “tác giả là người trực tiếp sáng tạo tác phẩm” (Quốc hội, 2022).

Với góc độ tiếp cận truyền thống, con người là chủ thể toàn diện trong hoạt động sáng tạo nhưng hiện nay với sự tham gia của AI đã làm xuất hiện ngày càng nhiều sản phẩm trí tuệ được hình thành với mức độ hỗ trợ hoặc can thiệp khác nhau vai trò sáng tạo của con người cũng dần thay đổi. “Tác phẩm được tạo ra bởi AI là những tác phẩm văn học, khoa học và nghệ thuật được tạo ra bằng việc sử dụng các dữ liệu mà nhà lập trình đưa vào trong các thuật toán” (Dương Việt Anh, 2024). Tác phẩm được tạo ra bằng cách sử dụng AI chắc chắn sẽ gây ra tác động rất lớn đối với pháp luật sở hữu trí tuệ vì triết lý bảo hộ của luật là để cao, ghi nhận sự sáng tạo và tính trí tuệ của từng cá nhân cụ thể.

Theo Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi năm 2025, AI không được công nhận là chủ thể của quyền sở hữu trí tuệ. Điều đó đồng nghĩa với việc các sản phẩm do AI tạo ra hoàn toàn tự động sẽ không được bảo hộ quyền tác giả nếu không có sự đóng góp sáng tạo đáng kể của con người, vì vậy “tác phẩm có sử dụng AI” cần được tiếp cận làm rõ. Theo tác giả, tác phẩm có sử dụng AI là các sản phẩm trong lĩnh vực nghệ thuật, văn học, khoa học được tạo ra với sự hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ từ các thuật toán AI. Tuy nhiên, tác phẩm có sử dụng AI có thể chia thành 3 nhóm: Nhóm 1 - AI chỉ là công cụ hỗ trợ (sửa lỗi, xử lý hình ảnh, tối ưu âm thanh hoặc gợi ý bố cục); Nhóm 2 - AI trực tiếp tạo nội dung (nháp văn bản, tạo phác thảo hình ảnh hoặc đề xuất giai điệu để con người tiếp tục biên tập); Nhóm 3 - AI tạo ra phần lớn hoặc gần như toàn bộ sản phẩm và con người chỉ can thiệp ở mức ra lệnh hoặc lựa chọn kết quả ngẫu nhiên do AI tạo ra. Sự khác biệt này có ý nghĩa quyết định đối với việc xác định khả năng bảo hộ, xác định chủ thể quyền cũng như phân bổ trách nhiệm pháp lý khi phát sinh tranh chấp.

Nghị định số 134/2026/NĐ-CP đã bổ sung quy định nhằm xác định điều kiện phát sinh quyền tác giả đối với tác phẩm trong trường hợp con người có sử dụng hệ thống AI để sáng tạo. Theo đó, tác phẩm cần phải đáp ứng ba điều kiện gồm: 1) Con người đóng góp đáng kể và mang tính quyết định vào việc sáng tạo tác phẩm; 2) Con người chịu trách nhiệm về nội dung và tính hợp pháp của đối tượng; 3) Không gây phương hại đến quyền tác giả, quyền liên quan đối với các đối tượng được sử dụng làm dữ liệu đầu vào cho hệ thống trí tuệ nhân tạo.

2.1.2. Ba giai đoạn vòng đời của tác phẩm có sử dụng AI

Giai đoạn đầu vào: AI là công nghệ cho phép máy tính hoặc thiết bị điện tử có thể “học”, “phân tích” và “đưa ra quyết định” dựa trên dữ liệu, mô phỏng cách con người suy nghĩ nhưng theo cách riêng của máy móc (Báo Nhân dân, 2025). Nghị định số 134/2026/NĐ-CP cho thấy vai trò của con người ở giai đoạn này: “Cung cấp dữ liệu đầu vào, tham số kỹ thuật mang tính nguyên gốc của mình hoặc xây dựng tài liệu thiết kế đối với chương trình máy tính”. Xét về phương diện pháp lý, đầu vào của tác phẩm có sử dụng AI có thể được nhìn nhận ở hai cấp độ: cấp độ hệ thống và cấp độ người sử dụng: 1) Ở cấp độ hệ thống, đầu vào chủ yếu là các dữ liệu huấn luyện hoặc dữ liệu phục vụ việc vận hành và cải thiện mô hình AI. Trong thực tiễn phát triển AI tạo sinh, các bộ dữ liệu này thường bao gồm khối lượng lớn văn bản, hình ảnh, âm thanh, video, mã nguồn hoặc các loại nội dung số khác được thu thập từ Internet, cơ sở dữ liệu thương mại hoặc các nguồn lưu trữ chuyên ngành; 2) Ở cấp độ người sử dụng, dữ liệu đầu vào mang diện mạo khác. Trong quá trình sử dụng AI, người dùng có thể nạp vào nhiều loại dữ liệu như bản thảo, bài viết, hình ảnh, đoạn nhạc, bản vẽ, giáo trình, tài liệu nghiên cứu hoặc các tác phẩm có trước để yêu cầu AI “viết lại”, “biến thể”, “phát triển thêm”, “mô phỏng theo phong cách” hoặc “chuyển đổi sang định dạng khác”. Các dữ liệu đầu vào có thể này kéo theo các hành vi vi phạm về bản quyền như lưu trữ, sao chép, khai thác tác phẩm.

Giai đoạn tạo sinh: Đây là giai đoạn mà dữ liệu đầu vào kết hợp với các chỉ dẫn của người dùng (prompt) và năng lực xử lý của mô hình AI tương tác với nhau để tạo ra sản phẩm cụ thể. Xét từ góc độ quyền tác giả, đây là giai đoạn đặc biệt quan trọng nhằm công nhận quyền tác giả thông qua việc xác định mức độ tham gia của AI và mức độ kiểm soát sáng tạo của con người trong việc tạo ra tác phẩm: 1) Nếu AI chỉ đóng vai trò công cụ hỗ trợ kỹ thuật như chỉnh sửa văn bản, thay đổi định dạng hình thức,... còn nội dung cốt lõi của tác phẩm vẫn do sự sáng tạo của con người quyết định thì AI tương đối gần với các công cụ kỹ thuật số thông thường mà người sáng tạo vẫn sử dụng. Vấn đề bảo hộ quyền tác giả với những tác phẩm này không đặt nhiều tranh cãi vì vai trò trực tiếp sáng tạo của tác giả thể hiện rất rõ; 2) Nếu AI tham gia vào việc hình thành nội dung nhưng con người vẫn duy trì vai trò kiểm soát chủ đạo, có đóng góp đáng kể và mạng tính quyết định thì pháp luật Việt Nam và nhiều quốc gia vẫn công nhận quyền tác giả đối với những tác phẩm này. Đóng góp quan trọng của con người được thể hiện thông qua việc “thiết lập các câu lệnh để điều khiển hệ thống AI; đánh giá, lựa chọn, chỉnh sửa, can thiệp hoặc diễn giải kết quả do hệ thống trí tuệ nhân tạo tạo ra; lựa chọn, sắp xếp, tổ chức nội dung, hình thức thể hiện đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan; đưa ra các quyết định thể hiện ý đồ nghệ thuật, thẩm mỹ hoặc kỹ năng chuyên môn; quyết định kết quả cuối cùng, bảo đảm kết quả phản ánh đúng ý tưởng của mình thay vì sự sắp đặt ngẫu nhiên hoặc tự động của thuật toán” (Chính phủ, 2026). Đây là trường hợp phổ biến trong thực tiễn hiện nay. Người dùng có thể yêu cầu AI tạo bản nháp nội dung, tạo phác thảo hình ảnh, gợi ý dàn ý bài nghiên cứu, soạn khung kịch bản hoặc đề xuất giai điệu... sau đó tiếp tục lựa chọn, chỉnh sửa, tái cấu trúc, kết hợp nhiều đầu ra. Trọng tâm trong trường hợp này là khả năng chứng minh dấu ấn sáng tạo cá nhân của con người trong tác phẩm cuối cùng; 3) AI tạo sinh phần lớn hoặc gần như toàn bộ nội dung đầu ra còn con người chỉ can thiệp ở mức ra lệnh, lựa chọn một trong nhiều phương án ngẫu nhiên hoặc chỉnh sửa kỹ thuật tối thiểu. Trong trường hợp này sản phẩm tạo ra không đáp ứng điều kiện về tính nguyên gốc theo Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam hiện nay. Tính nguyên gốc thể hiện ở chỗ tác phẩm phải do chính tác giả tạo ra, không sao chép của người khác tức là “pháp luật Việt Nam không đòi hỏi các ý tưởng trong tác phẩm phải mới nhưng hình thức thể hiện ý tưởng phải sáng tạo” (Hồ Thúy Ngọc, 2025). Việc công nhận quyền tác giả trong trường hợp này trở lên khó khăn hơn và thực tế pháp luật các quốc gia đều không công nhận AI là tác giả. Trọng tâm ở đây là nếu không được công nhận về quyền tác giả đối với chủ thể thì ai phải chịu trách nhiệm khi phát sinh tranh chấp. Trách nhiệm của người sử dụng, nhà phát triển mô hình hoặc nền tảng cung cấp dịch vụ AI như thế nào.

Giai đoạn đầu ra: Là thời điểm tác phẩm có sử dụng AI được đưa vào đời sống. Đầu ra có thể tồn tại dưới nhiều hình thức như bài viết, tranh ảnh minh họa, ảnh quảng cáo, ca khúc, video, giáo trình, bản dịch, thiết kế đồ họa, kịch bản hoặc các sản phẩm truyền thông số. Từ góc độ pháp lý, đây là giai đoạn mà các hệ quả của việc sử dụng AI trở nên cụ thể nhất vì tác phẩm bắt đầu được công bố, truyền đạt tới công chúng, phân phối, khai thác thương mại hoặc được dùng làm cơ sở để đăng ký quyền tác giả.

Tại giai đoạn đầu ra, vấn đề công nhận quyền tác giả trở thành yêu cầu thực tiễn phải chứng minh chứ không chỉ là lý thuyết. Khi chủ thể muốn công bố tác phẩm, khai thác quyền, chuyển giao quyền hoặc đăng ký quyền tác giả cho tác phẩm có sử dụng AI, câu hỏi về chủ thể quyền và phạm vi bảo hộ phải được trả lời một cách tương đối rõ ràng. Nếu không xác định được phần đóng góp “đáng kể” và “quyết định” của con người trong tác phẩm hoặc không chứng minh được mối liên hệ giữa người yêu cầu bảo hộ với quá trình hình thành tác phẩm thì việc công nhận quyền tác giả sẽ không khả thi. Bên cạnh đó, giai đoạn này các tranh chấp về xâm phạm quyền tác giả dễ bộc lộ nhất. Sản phẩm có thể bị cho là sao chép đáng kể từ tác phẩm có trước; có thể là tác phẩm phái sinh được tạo lập trái phép; hoặc có thể tái hiện phong cách, bố cục, nhân vật, đường nét, giai điệu hoặc hình thức thể hiện của tác phẩm gốc đến mức xâm phạm quyền của chủ thể khác. Đầu vào của quá trình sử dụng AI để tạo ra một tác phẩm có thể hợp pháp nhưng không đương nhiên loại bỏ khả năng xâm phạm quyền tác giả nếu đầu ra vẫn thể hiện sự tương đồng đáng kể hoặc có chứa những yếu tố xâm phạm quyền với tác phẩm có trước.

2.2. Trách nhiệm pháp lý liên quan đến tác phẩm có sử dụng trí tuệ nhân tạo

2.2.1. Trách nhiệm pháp lý ở giai đoạn đầu vào

Giai đoạn đầu vào là giai đoạn phát sinh nhóm rủi ro pháp lý cơ bản nhất của tác phẩm có sử dụng AI. Như đã phân tích ở trên, đầu vào có thể tồn tại ở hai cấp độ: Dữ liệu huấn luyện ở cấp độ hệ thống và dữ liệu do người sử dụng trực tiếp đưa vào hệ thống. Mỗi cấp độ kéo theo những dạng trách nhiệm khác nhau.

Ở cấp độ hệ thống AI, việc huấn luyện AI thường đòi hỏi sao chép, lưu trữ và xử lý một khối lượng lớn dữ liệu; nếu trong số đó có các tác phẩm đang được bảo hộ và việc sử dụng không thuộc trường hợp ngoại lệ, không được cấp bản quyền thì nguy cơ xâm phạm quyền tác giả có thể phát sinh ngay từ khâu huấn luyện. Hành vi sử dụng tác phẩm làm dữ liệu đầu vào huấn luyện AI cần phải xem xét về mặt trách nhiệm pháp lý.

Ở cấp độ người sử dụng AI, khi người dùng đưa vào hệ thống các tác phẩm của người khác mà mình không có quyền sử dụng hợp pháp thì không thể viện dẫn việc chỉ sử dụng công cụ AI để loại trừ trách nhiệm. Nếu hành vi nhập dữ liệu vào hệ thống kéo theo việc lưu trữ, sao chép, tiếp cận trái phép tác phẩm có bảo hộ thì người sử dụng AI có thể phải chịu trách nhiệm như một chủ thể trực tiếp thực hiện hoặc khởi xướng hành vi xâm phạm.

Từ góc độ phân bổ trách nhiệm, giai đoạn đầu vào cho thấy không thể áp dụng một mô hình trách nhiệm đơn tuyến. Tùy từng trường hợp, trách nhiệm có thể nghiêng về phía nhà phát triển mô hình, nền tảng AI, người dùng hoặc đồng thời nhiều chủ thể. Yếu tố cần được xem xét ở đây là mức độ chủ động trong việc lựa chọn, sử dụng và kiểm soát dữ liệu đầu vào cũng như khả năng dự liệu của chủ thể về tính bất hợp pháp của việc sử dụng dữ liệu đó.

2.2.2. Trách nhiệm pháp lý ở giai đoạn tạo sinh

Giai đoạn tạo sinh là nơi dữ liệu đầu vào, câu lệnh của người dùng và cơ chế vận hành của mô hình kết hợp với nhau để tạo ra đầu ra. Đây cũng là giai đoạn đặc biệt khó trong việc xác định trách nhiệm pháp lý bởi kết quả cuối cùng là sản phẩm của nhiều yếu tố đan xen như chỉ dẫn của người dùng, kho tri thức mà mô hình đã tiếp nhận, các cơ chế lọc hoặc hạn chế của nền tảng cũng như các bước chỉnh sửa tiếp theo. Những vấn đề trách nhiệm pháp lý ở giai đoạn này bao gồm:

Trách nhiệm của người sử dụng AI đối với prompt (câu lệnh, câu hỏi, yêu cầu...) và mục đích sử dụng công cụ. Nếu người dùng cố ý yêu cầu hệ thống “viết lại” một cuốn sách cụ thể, “vẽ theo đúng phong cách” của một họa sĩ đang được bảo hộ, “tạo phiên bản gần giống” một nhân vật nổi tiếng hoặc “làm mới” một bài báo của người khác để đăng dưới tên mình,... thì người dùng không chỉ là người tiếp nhận thụ động đầu ra của hệ thống. Họ là chủ thể khởi xướng một quá trình có khả năng cao dẫn đến hành vi xâm phạm quyền tác giả và phải chịu trách nhiệm tương ứng với mức độ lỗi của mình. Tuy nhiên, không phải mọi trường hợp đầu ra xâm phạm quyền tác giả đều quy hoàn toàn trách nhiệm cho người dùng mà còn có thể áp dụng đối với nền tảng cung cấp dịch vụ hoặc nhà phát triển mô hình - bên kiểm soát đáng kể cách thức hệ thống vận hành, cơ chế lọc đầu vào - đầu ra, các giới hạn sử dụng và khả năng phòng ngừa việc tạo ra nội dung xâm phạm. Nếu một nền tảng được thiết kế theo cách khuyến khích hoặc không ngăn chặn hợp lý việc tái tạo tác phẩm có bản quyền hoặc không có bất kỳ biện pháp cảnh báo, hạn chế hay phản hồi nào trước các yêu cầu rõ ràng mang tính xâm phạm thì vấn đề trách nhiệm của nền tảng cần được đặt ra một cách nghiêm túc

Khó khăn cốt lõi ở giai đoạn này là xác định mối liên hệ nhân quả pháp lý giữa hành vi của từng chủ thể với đầu ra xâm phạm. Nếu đầu ra là kết quả trực tiếp của prompt có chủ đích xâm phạm, người dùng sẽ phải chịu trách nhiệm chủ yếu. Nếu đầu ra phát sinh do mô hình AI có khả năng tái tạo bất thường các tác phẩm có trước mà nền tảng không kiểm soát, trách nhiệm của nhà phát triển hoặc nền tảng có thể cần được xem xét nhiều hơn. Nếu người dùng tiếp tục chỉnh sửa, kết hợp và hoàn thiện đầu ra trước khi công bố, trách nhiệm của họ lại tăng lên.

2.2.3. Trách nhiệm pháp lý ở giai đoạn đầu ra

Giai đoạn đầu ra là nơi trách nhiệm pháp lý thường trở nên rõ nét nhất, bởi đây là thời điểm chủ sở hữu quyền tác giả có thể độc quyền hoặc cho phép người khác thực hiện các quyền tài sản gắn với tác phẩm đó như biểu diễn, sao chép, phân phối, nhập khẩu, phát sóng, truyền đạt, cho thuê và các hoạt động chuyển giao quyền khác. Nếu sản phẩm đầu ra xâm phạm quyền tác giả thì việc sử dụng chúng trong hoạt động thực tế có thể làm phát sinh trách nhiệm đối với nhiều chủ thể bao gồm:

Cá nhân trực tiếp sử dụng đầu ra AI: Về nguyên tắc, việc đầu ra được tạo ra bằng AI không đương nhiên trở thành căn cứ miễn trừ trách nhiệm pháp lý cho cá nhân trực tiếp đưa đầu ra đó đến công chúng. Trách nhiệm pháp lý có thể phát sinh khi người sử dụng công bố, đăng tải, cấp phép, chuyển nhượng hoặc thực hiện các hành vi khai thác khác đối với đầu ra AI mà không thực hiện nghĩa vụ cẩn trọng hợp lý nhằm kiểm tra tính hợp pháp của kết quả. Việc xác định trách nhiệm cần đánh giá trên cơ sở mức độ cẩn trọng của người sử dụng trong từng trường hợp cụ thể với các yếu tố cần được xem xét bao gồm: 1) Yếu tố lỗi: người sử dụng có biết hoặc phải biết về nguy cơ xâm phạm quyền tác giả hay không; 2) Mức độ can thiệp đối với đầu ra: sử dụng nguyên trạng hay đã qua biên tập, sáng tạo bổ sung đáng kể; 3) Sự tin cậy hợp pháp: dựa trên cam kết bảo đảm hoặc điều khoản miễn trừ của nền tảng AI; 4) Mục đích sử dụng: thương mại hay phi thương mại.

Cá nhân hoặc tổ chức xác lập, thực hiện quyền đối với đầu ra AI mà không có căn cứ pháp lý. Hành vi cố tình tuyên bố là tác giả/chủ sở hữu đối với đầu ra do AI tạo ra hoàn toàn hoặc phần lớn để đăng ký bảo hộ, chuyển nhượng hoặc cấp phép sẽ vượt ra khỏi phạm vi một tranh chấp quyền tác giả thông thường. Hành vi này vi phạm nghĩa vụ trung thực, dẫn đến trách nhiệm dân sự (bồi thường thiệt hại cho bên nhận chuyển nhượng), trách nhiệm hành chính (khai báo gian lận với cơ quan quản lý) và làm vô hiệu các giao dịch liên quan. Trong bối cảnh hiện nay, nghĩa vụ minh bạch về tỷ lệ tham gia của AI không còn là chuẩn mực đạo đức thuần túy mà là điều kiện tiên quyết để xác định căn cứ phát sinh quyền và trách nhiệm pháp lý.

2.3. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam về trách nhiệm pháp lý đối với tác phẩm có sử dụng AI

2.3.1. Hoàn thiện tư duy lập pháp và nguyên tắc chung

Bổ sung nguyên tắc xác định trách nhiệm pháp lý theo vòng đời của tác phẩm có sử dụng AI trong văn bản hướng dẫn thi hành Luật Sở hữu trí tuệ hoặc các văn bản pháp lý điều chỉnh về AI. Điều này có ý nghĩa quan trọng trong việc xử lý các tranh chấp liên quan đến dữ liệu huấn luyện, dữ liệu đầu vào của người dùng, cơ chế tạo sinh và hoạt động khai thác thương mại.

Phát triển các nguyên tắc và hướng dẫn áp dụng để phân định trách nhiệm giữa người dùng, tổ chức khai thác, nền tảng AI và nhà phát triển mô hình. Người dùng chịu trách nhiệm đối với prompt và đầu ra do mình công bố; nhà phát triển chịu trách nhiệm đối với hành vi huấn luyện trái phép; nền tảng chịu trách nhiệm khi biết hoặc phải biết vi phạm mà không xử lý. Mục tiêu không phải là áp đặt trách nhiệm tuyệt đối cho mọi chủ thể liên quan đến công nghệ AI mà là xác định ranh giới trách nhiệm dựa trên mức độ kiểm soát, mức độ lỗi và khả năng phòng ngừa rủi ro của từng chủ thể.

2.3.2. Hoàn thiện quy định đối với giai đoạn huấn luyện và tạo sinh

Nghiên cứu mở rộng phạm vi nghĩa vụ gắn nhãn đối với nội dung văn bản trong trường hợp AI tạo sinh được sử dụng ở mức độ đáng kể. Theo Điều 17, 18 Nghị định 142/2026/NĐ-CP: việc đánh dấu kỹ thuật đối với nội dung do hệ thống AI tạo ra chỉ áp dụng đối với âm thanh, hình ảnh hoặc video nhưng không bắt buộc đối với nội dung đầu ra là văn bản.

Thiết lập cơ chế từ chối cho phép tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả tuyên bố không cho phép các công cụ AI thu thập, quét hoặc sử dụng tác phẩm của họ để làm dữ liệu huấn luyện hoặc thông qua các biện pháp công nghệ. Đồng thời, cần xây dựng khung pháp lý về chia sẻ lợi ích kinh tế theo hướng: nếu các nhà phát triển AI tiếp tục khai thác các tác phẩm đã thiết lập cơ chế từ chối để thương mại hóa

mô hình thì họ phải có nghĩa vụ thực hiện cơ chế li-xăng bắt buộc hoặc chi trả một khoản thù lao hợp lý cho các tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả. Quy định này sẽ đảm bảo tính cân bằng về mặt lợi ích giữa việc thúc đẩy đổi mới sáng tạo công nghệ và bảo hộ quyền tài sản của các nhà sáng tạo nội dung.

2.3.3. Hoàn thiện quy định để phân bổ gánh nặng chứng minh, giải quyết tranh chấp và miễn trừ trách nhiệm

Hướng dẫn lưu vết quá trình sử dụng AI và các tài liệu cần lưu trữ làm cơ sở quan trọng để giải quyết tranh chấp và phân bổ trách nhiệm pháp lý. Quyền tác giả phát sinh tự động kể từ khi tác phẩm được sáng tạo và được thể hiện dưới một hình thức vật chất; việc lưu giữ tài liệu không nhằm xác lập quyền tác giả mà phục vụ hoạt động chứng minh khi phát sinh tranh chấp. Theo khoản 8, Điều 5a - Nghị định 134/2026/NĐ-CP: khi có yêu cầu bảo vệ quyền tác giả, chủ thể phải cung cấp cho cơ quan nhà các tài liệu chứng minh sự thể hiện sự đóng góp trí tuệ và sự kiểm soát của con người. Như vậy, việc chứng minh vai trò sáng tạo của con người là khâu hậu kiểm của Nhà nước, không phải là khâu tiền kiểm để công nhận quyền.

Nghiên cứu cơ chế phân bổ nghĩa vụ chứng minh phù hợp đối với các tranh chấp liên quan đến tác phẩm có sử dụng AI. Trong trường hợp bên cung cấp nền tảng hoặc nhà phát triển nắm giữ dữ liệu kỹ thuật phục vụ việc xác định nguồn gốc đầu ra cần xem xét cơ chế buộc cung cấp hoặc hỗ trợ cung cấp chứng cứ theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Nghiên cứu xây dựng cơ chế miễn trừ trách nhiệm có điều kiện đối với người dùng, nền tảng AI, nhà cung cấp dịch vụ khi đã áp dụng biện pháp hợp lý; đã gỡ bỏ nội dung sau khi được thông báo; không biết và không thể biết hành vi vi phạm.

3. Kết luận

Sự phát triển mạnh mẽ của AI, đặc biệt là AI tạo sinh đang đặt ra yêu cầu phải điều chỉnh cách tiếp cận của pháp luật quyền tác giả đối với hoạt động sáng tạo trong môi trường số. Bài viết tiếp cận vấn đề thông qua ba giai đoạn trong vòng đời pháp lý của tác phẩm có sử dụng AI gồm đầu vào, tạo sinh và đầu ra, qua đó cho thấy rủi ro pháp lý không chỉ phát sinh khi tác phẩm được công bố mà có thể xuất hiện ngay từ quá trình sử dụng dữ liệu huấn luyện, tiếp tục hình thành trong quá trình tạo sinh và bộc lộ rõ ở giai đoạn khai thác, thương mại hóa đầu ra. Vì vậy, việc đánh giá khả năng bảo hộ và trách nhiệm pháp lý đối với tác phẩm có sử dụng AI cần được đặt trong toàn bộ chuỗi hình thành và khai thác tác phẩm, thay vì chỉ xem xét sản phẩm cuối cùng. Trên cơ sở đó, bài viết khẳng định việc công nhận quyền tác giả đối với tác phẩm có sử dụng AI cần tiếp tục dựa trên nguyên tắc nền tảng của pháp luật quyền tác giả là chỉ con người mới có thể là tác giả theo nghĩa pháp lý, còn AI không phải là chủ thể của quyền tác giả. Tuy nhiên, sự tham gia của AI không đương nhiên loại trừ khả năng bảo hộ đối với tác phẩm. Tiêu chí quyết định là liệu trong tác phẩm cuối cùng có thể nhận diện được dấu ấn sáng tạo của con người hay không, từ đó chuyển trọng tâm đánh giá từ việc AI có tham gia tạo ra tác phẩm sang mức độ đóng góp sáng tạo của con người.

Tài liệu tham khảo

Báo Nhân dân (2025). *Hiểu đúng về trí tuệ nhân tạo*. <https://nhandan.vn/hieu-dung-ve-tri-tue-nhan-cao-post882187.html>, ngày 24/5/2025.

Chính phủ (2026). *Nghị định số 134/2026/NĐ-CP, ngày 06/4/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP, ngày 26/4/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan*.

Dương Việt Anh (2024). Bảo hộ quyền tác giả đối với các tác phẩm được tạo ra bằng trí tuệ nhân tạo. *Tạp chí Khoa học Pháp lý Việt Nam*, 11 (183), 33-40.

Hồ Thúy Ngọc (2025). Bảo hộ quyền tác giả với tác phẩm tạo ra từ trí tuệ nhân tạo. *Tạp chí Quản lý nhà nước*, số 348, tháng 01, tr. 113-117.

Quốc hội (2005). *Luật Sở hữu trí tuệ*. Luật số 50/2005/QH11, ngày 29/11/2005.

Quốc hội (2022). *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ*. Luật số 07/2022/QH15, ngày 16/6/2022.

Quốc hội (2025). *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ*. Luật số 131/2025/QH15, ngày 10/12/2025.